Số: 4165/SKHCN-TC; 10/11/2026; 23:00:54; +07:00

PHỤ LỤC

MẪU BÁO CÁO PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP

Kèm theo Công văn số .../SKHCN-TC của Sở Khoa học và Công nghệ

Áp dụng cho tổ chức thuộc danh mục, đến kỳ đánh giá theo Kế hoạch số 425/KH-UBND và Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN ngày 31/3/2026.

I. Thông tin tổ chức và kỳ đánh giá

Tên tổ chức, cơ quan quản lý trực tiếp: .....

Văn bản thành lập hoặc tổ chức lại, văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ: .....

Kỳ đánh giá từ ngày … đến ngày … | Đầu mối, điện thoại, thư điện tử: …

Chức năng áp dụng: ☐ Nghiên cứu cơ bản ☐ Nghiên cứu ứng dụng
☐ Phát triển công nghệ ☐ Nghiên cứu chính sách - xã hội ☐ Dịch vụ KH&CN

Nếu là tổ chức dịch vụ, ghi rõ căn cứ và mức bảo đảm chi phí thực hiện dịch vụ từ ngân sách nhà nước theo Phụ lục VI.4: .....

II. Nguồn lực và tóm tắt kết quả

1. Gửi Biểu 8 về nguồn lực năm 2023, 2024 và 2025 theo Phụ lục VI.2, kèm thông tin cập nhật năm 2026. Dẫn số liệu và minh chứng từ Biểu 8 tại đây. Nếu có tổ chức lại, nêu phạm vi và thời điểm kế thừa nhiệm vụ, nhân lực, tài sản, kinh phí và dữ liệu.

Dẫn Biểu 8 và thuyết minh số liệu: .....

2. Tóm tắt kết quả hoạt động năm 2025 và tình hình năm 2026. Nêu nhiệm vụ đã hoàn thành, sản phẩm, đơn vị tiếp nhận hoặc sử dụng, hiệu quả sử dụng nguồn lực và tác động có minh chứng. Tách rõ số thực hiện với số ước.

Kết quả năm 2025: …… Tình hình năm 2026: ……

3. Khó khăn, nội dung chưa đủ dữ liệu và kiến nghị về nhiệm vụ, tổ chức, nguồn lực năm 2027: .....

III. Bảng tiêu chí và minh chứng gửi kèm

Điền bảng tương ứng với từng chức năng được đánh giá. Ghi kỳ, đơn vị tính, kết quả hoặc thuyết minh theo từng tiêu chí. Với chỉ tiêu dạng tỷ lệ, ghi tử số và mẫu số. Dẫn mã tài liệu tại Biểu 6. Nếu chưa có số liệu, nêu lý do và thời điểm dự kiến bổ sung.

Tổ chức xác nhận số liệu và minh chứng. Cột điểm và Phiếu tổng hợp cuối mẫu do cơ quan chủ trì đánh giá sử dụng sau khi kiểm tra hồ sơ.

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Bảng tiêu chí nghiên cứu cơ bản

Áp dụng theo Phụ lục VI.1 mục 1, VI.3 của Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN. Bảng tiêu chí tại trang 133.

Tên tổ chức: …… Kỳ đánh giá: ……

Cột kết quả ghi số liệu hoặc thuyết minh, kèm kỳ đo và cách tính khi cần. Có thể đính kèm bảng chi tiết và dẫn mã tại cột minh chứng.

Mã	Tiêu chí	Điểm tối đa	Kết quả và căn cứ tính	Mã minh chứng	Điểm đánh giá
1	**Quá trình triển khai**	**20**			
1.1	Tính mới trong định hướng nghiên cứu của tổ chức	10			
1.2	Mức độ hợp tác nghiên cứu	5			
1.3	Cơ chế bảo đảm liêm chính khoa học và đạo đức nghiên cứu	5			
2	**Kết quả đầu ra**	**30**			
2.1	Số lượng công bố quốc tế	10			
2.2	Số lần trích dẫn trung bình/công bố quốc tế (3 năm gần nhất)	10			
2.3	Số lượng công bố trong nước	10			
3	**Hiệu quả sử dụng nguồn lực**	**25**			
3.1	Số công bố quốc tế trên mỗi nhà nghiên cứu toàn thời gian	10			
3.2	Chi phí trung bình cho mỗi công bố quốc tế	5			
3.3	Tỷ trọng chi cho nhóm nghiên cứu mạnh	10			
4	**Tác động**	**25**			
4.1	Tác động đến định hướng học thuật	10			
4.2	Được sử dụng trong đào tạo đại học và sau đại học	10			
4.3	Vai trò trong các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	5			
	Tổng điểm	**100**			

Đối chiếu Phụ lục VI.3 để xác định tài liệu minh chứng và cách tính điểm của từng tiêu chí theo chức năng.

Bảng tiêu chí nghiên cứu ứng dụng

Áp dụng theo Phụ lục VI.1 mục 2, VI.3 của Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN. Bảng tiêu chí tại trang 134.

Tên tổ chức: …… Kỳ đánh giá: ……

Cột kết quả ghi số liệu hoặc thuyết minh, kèm kỳ đo và cách tính khi cần. Có thể đính kèm bảng chi tiết và dẫn mã tại cột minh chứng.

Mã	Tiêu chí	Điểm tối đa	Kết quả và căn cứ tính	Mã minh chứng	Điểm đánh giá
1	**Quá trình triển khai**	**20**			
1.1	Tính mới trong định hướng nghiên cứu của tổ chức	10			
1.2	Mức độ hợp tác nghiên cứu	5			
1.3	Cơ chế bảo đảm liêm chính khoa học và đạo đức nghiên cứu	5			
2	**Kết quả đầu ra**	**30**			
2.1	Công bố khoa học	10			
2.2	Sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản	10			
2.3	Kết quả mô hình thử nghiệm, thông số kỹ thuật	10			
3	**Hiệu quả sử dụng nguồn lực**	**25**			
3.1	Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản trên mỗi tổ chức nghiên cứu	10			
3.2	Chi phí trung bình cho mỗi sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản, mô hình thử nghiệm	5			
3.3	Tỷ lệ doanh thu bên ngoài trên tổng doanh thu của tổ chức	10			
4	**Tác động**	**25**			
4.1	Kết quả nghiên cứu được tiếp nhận, sử dụng hoặc phát triển tiếp	10			
4.2	Được sử dụng làm căn cứ để ban hành tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật ngành	10			
4.3	Thúc đẩy liên kết viện nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp	5			
	Tổng điểm	**100**			

Đối chiếu Phụ lục VI.3 để xác định tài liệu minh chứng và cách tính điểm của từng tiêu chí theo chức năng.

Bảng tiêu chí phát triển công nghệ

Áp dụng theo Phụ lục VI.1 mục 3, VI.3 của Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN. Bảng tiêu chí tại trang 135.

Tên tổ chức: …… Kỳ đánh giá: ……

Cột kết quả ghi số liệu hoặc thuyết minh, kèm kỳ đo và cách tính khi cần. Có thể đính kèm bảng chi tiết và dẫn mã tại cột minh chứng.

Mã	Tiêu chí	Điểm tối đa	Kết quả và căn cứ tính	Mã minh chứng	Điểm đánh giá
1	**Quá trình triển khai**	**20**			
1.1	Thiết kế, tích hợp và kiểm chứng kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ	5			
1.2	Mức độ nội địa hóa, làm chủ các thành phần công nghệ chính	10			
1.3	Liên kết sản xuất thử nghiệm, sản xuất với doanh nghiệp	5			
2	**Kết quả đầu ra**	**30**			
2.1	Sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản được thương mại hóa	10			
2.2	Sản phẩm thử nghiệm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, được kiểm định bởi cơ quan độc lập	10			
2.3	Quy trình công nghệ được hoàn thiện và thương mại hóa	10			
3	**Hiệu quả sử dụng nguồn lực**	**25**			
3.1	Tỷ lệ thương mại hóa của kết quả đầu ra	10			
3.2	Tỷ lệ doanh thu trên chi phí nghiên cứu phát triển của tổ chức	10			
3.3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hình thành trong 3 năm gần nhất	5			
4	**Tác động**	**25**			
4.1	Nâng cao năng lực công nghệ cho các doanh nghiệp	10			
4.2	Tác động đến xã hội và môi trường	10			
4.3	Nâng cao năng lực công nghệ của lĩnh vực nghiên cứu	5			
	Tổng điểm	**100**			

Đối chiếu Phụ lục VI.3 để xác định tài liệu minh chứng và cách tính điểm của từng tiêu chí theo chức năng.

Bảng tiêu chí nghiên cứu chính sách - xã hội

Áp dụng theo Phụ lục VI.1 mục 4, VI.3 của Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN. Bảng tiêu chí tại trang 136.

Tên tổ chức: …… Kỳ đánh giá: ……

Cột kết quả ghi số liệu hoặc thuyết minh, kèm kỳ đo và cách tính khi cần. Có thể đính kèm bảng chi tiết và dẫn mã tại cột minh chứng.

Mã	Tiêu chí	Điểm tối đa	Kết quả và căn cứ tính	Mã minh chứng	Điểm đánh giá
1	**Quá trình triển khai**	**20**			
1.1	Mức độ rõ ràng, phù hợp, linh hoạt và thích ứng với nhu cầu xã hội của định hướng nghiên cứu	10			
1.2	Mức độ hợp tác nghiên cứu	5			
1.3	Cơ chế bảo đảm liêm chính khoa học và đạo đức nghiên cứu	5			
2	**Kết quả đầu ra**	**30**			
2.1	Công bố khoa học	10			
2.2	Ấn phẩm khoa học	10			
2.3	Kết quả nghiên cứu được đề xuất, kiến nghị trong hoạch định chiến lược, chính sách	10			
3	**Hiệu quả sử dụng nguồn lực**	**25**			
3.1	Kết quả nghiên cứu được áp dụng trong hoạch định chiến lược, chính sách, thể chế hóa, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội	10			
3.2	Khả năng tư vấn, phản biện chính sách	10			
3.3	Mức độ ảnh hưởng trong cộng đồng nghiên cứu	5			
4	**Tác động**	**25**			
4.1	Tác động đến kinh tế - xã hội - môi trường	10			
4.2	Tác động đến thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của xã hội	10			
4.3	Mức độ lan tỏa chính sách ra địa phương, ngành	5			
	Tổng điểm	**100**			

Đối chiếu Phụ lục VI.3 để xác định tài liệu minh chứng và cách tính điểm của từng tiêu chí theo chức năng.

Bảng tiêu chí dịch vụ khoa học và công nghệ

Áp dụng theo Phụ lục VI.4 của Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN. Bảng tiêu chí tại trang 166.

Tên tổ chức: …… Kỳ đánh giá: ……

Cột kết quả ghi số liệu hoặc thuyết minh, kèm kỳ đo và cách tính khi cần. Có thể đính kèm bảng chi tiết và dẫn mã tại cột minh chứng.

Mã	Tiêu chí	Điểm tối đa	Kết quả và căn cứ tính	Mã minh chứng	Điểm đánh giá
1	**Đầu vào**	**0**			
1.1	Nguồn nhân lực	—			
1.2	Cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật	—			
1.3	Nguồn lực tài chính	—			
1.4	Số lượng nhiệm vụ được giao	—			
2	**Kết quả đầu ra**	**60**			
2.1	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao	40			
2.2	Chất lượng dịch vụ	20			
3	**Hiệu quả sử dụng nguồn lực**	**20**			
3.1	Hiệu quả hoạt động	10			
3.2	Hiệu quả tài chính	10			
4	**Tác động**	**20**			
4.1	Tác động đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	10			
4.2	Tác động kinh tế - xã hội	10			
	Tổng điểm	**100**			

Tiêu chí đầu vào dùng để cung cấp thông tin. Điểm đánh giá là tổng điểm của các nhóm tiêu chí 2, 3 và 4. Khi cung cấp minh chứng và chấm điểm, đối chiếu hướng dẫn tương ứng với mức bảo đảm chi phí thực hiện dịch vụ.

Phiếu tổng hợp kết quả đánh giá

Dành cho cơ quan chủ trì đánh giá

Tên tổ chức: ……

Kỳ đánh giá: …… Căn cứ và hồ sơ đã đối chiếu: ……

1. Tổng hợp điểm

Chức năng được đánh giá	Điểm theo chức năng	Căn cứ xác định tỷ trọng	Tỷ trọng	Điểm quy đổi

Tổ chức có một chức năng: ghi điểm đánh giá của chức năng đó.

Tổ chức có nhiều chức năng nghiên cứu: cơ quan chủ trì xác định tỷ trọng từng chức năng theo Phụ lục VI, ưu tiên nhân lực quy đổi toàn thời gian (FTE). Tổng điểm bằng tổng điểm từng chức năng nhân với tỷ trọng tương ứng. Khi kết quả giữa các phương án xác định tỷ trọng khác nhau vượt quá 20%, phân tích nguyên nhân và giải trình trong báo cáo.

2. Kết quả xếp loại

Tổng điểm: …… /100 | Xếp loại: ……

Theo Phụ lục VI: A – Xuất sắc (từ 80 điểm trở lên), B – Hoàn thành tốt (từ 60 đến dưới 80 điểm), C – Trung bình (từ 40 đến dưới 60 điểm), D – Kém (dưới 40 điểm).

3. Nhận xét và kiến nghị

Kết quả nổi bật và minh chứng chính: .....

Hạn chế, nguyên nhân và nội dung cần theo dõi: .....

Kiến nghị, đầu mối và thời hạn thực hiện: .....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐÁNH GIÁ